

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 481/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1985
HKTT: 241/33/4 BVĐ, Phường H, Quận B, TP.Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Đào Thị Kiêm D, sinh năm 1988
HKTT: 241/33/4 BVĐ, Phường H, Quận B, TP.Hồ Chí Minh..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2023, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H1 và bà Đào Thị Kiêm D sống chung và tự nguyện kết hôn vào năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42, quyển số 01/2006 ngày 03/05/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, do nhận thấy vợ chồng không có điểm tương đồng, thường xuyên cãi cọ, hiện tại đã không còn tình cảm nữa, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nên ông bà yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Đức H1 và bà Đào Thị Kiêm D xác nhận ông, bà có 02 (hai) con chung chưa thành niên là trẻ Nguyễn Hoàng H2, sinh ngày 16/07/2007 và trẻ Nguyễn Hoàng H3, sinh ngày 15/04/2011. Khi li hôn, ông, bà thống nhất giao hai con chung chưa thành niên là trẻ Nguyễn Hoàng H2,

sinh ngày 16/07/2007 và trẻ Nguyễn Hoàng H3 sinh ngày 15/04/2011 cho cha là ông Nguyễn Đức H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà D không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Đức H1 và bà Đào Thị Kiêm D xác nhận ông, bà không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Nguyễn Đức H1 tự nguyện chịu toàn bộ.

Xét thấy việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đức H1 và bà Đào Thị Kiêm D thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42, quyền số 01/2006 ngày 03/05/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2. Về con chung: ông Nguyễn Đức Hiền và bà Đào Thị Kiêm Duyên thống nhất giao hai con chung chưa thành niên là trẻ Nguyễn Hoàng H2, sinh ngày 16/07/2007 và trẻ Nguyễn Hoàng H3 sinh ngày 15/04/2011 cho cha là ông Nguyễn Đức H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà D không cấp dưỡng nuôi con

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Đức H1 và bà Đào Thị Kiêm D không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Đức H1 tự nguyện chịu. Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí mà ông H1 đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0009248 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, ông Hiền đã đóng đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Bảo Trân